TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mứt;

2. Ông Lương Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Thuý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985 – Xin vắng mặt.

Địa chỉ: tổ I, khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Lư Văn T, sinh năm 1981 – Vắng mặt.

Địa chỉ: tổ I, khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2026 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Vào năm 2005 chị L và anh T quen biết và tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức đám cưới. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường C, tỉnh Vĩnh

Long) số 173, ngày 01/12/2006. Sau khi cưới thì hai vợ chồng sinh sống tại xã Đ, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 12 năm 2025 vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh đập, chửi bới tôi sau khi sử dụng rượu bia, từ đó chúng tôi đã sống ly thân cho đến ngày khởi kiện. Chị L nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh T không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh Lư Văn T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lư Văn T mặc đã được Tòa án tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 154/TB-TLVA ngày 25/3/2026; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 294/TB-TA ngày 29/4/2026; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 366/TB-TA ngày 19/5/2026 nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Tại phiên: Nguyên đơn, chị Phạm Thị L có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, anh Lư Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có nơi cư trú tại phường Đ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2025. Khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị L và anh Lư Văn T quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 173, ngày 01/12/2006 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường

C, tỉnh Vĩnh Long) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị L thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2025 đến thời điểm khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến về tình trạng hôn nhân hiện nay cũng như ý kiến đối với lời trình bày của chị L nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, chị L và anh T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Đương sự được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung, nợ chung nếu không thỏa thuận được.

[5] Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L chịu án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2025. Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lư Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Đương sự được quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung, nợ chung nếu không thỏa thuận được.

4. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị L chịu án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005027, ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thiết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Thi hành án DS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.